TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày: 06/4/2022
V/v: *"T/c HĐDS vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà ***Đoàn Thị Thanh Hà***
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông ***Quách Đình Hoằng***.
2. Bà ***Trần Thị Ánh Tuyết***.

Thư ký phiên toà: Bà ***Đặng Thị Lệ Quyên-*** Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà ***Trần Thị Thắng Trinh*** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1972.
Địa chỉ: 312đường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Đức N; sinh năm 1961
Địa chỉ: 203 đường T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
Bị đơn: Bà Phạm Thị K.
Địa chỉ: Tổ 3, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 6 năm 2021 của nguyên đơn, bản tự khai ngày 17 tháng 6 năm 2021 của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Ngô Đức N trình bày:

Bà Võ Thị H và gia đình bà Phạm Thị K là chổ quen biết nhau. Bà Phạm Thị K có nhu cầu mượn tiền để giải quyết việc gia đình vì vậy Bà H đồng ý cho mượn. Ngày 22/12/2019 bà Phạm Thị K mượn bà H số tiền 160.000.000đồng *(Một trăm sáu mươi triệu đồng),* lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, bà K hẹn trong vòng 30 ngày sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền trên cho Bà H. Tiền nợ lãi tính từ ngày mượn tiền đến ngày 30/8/2020 bà K đã xác nhận trong giấy mượn tiền là còn lại 11.700.000đồng (Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng). Bà H đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà K cứ hẹn mãi mà không trả. Khi

khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và nợ lãi tạm tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày 30/5/2021 là: 160.000.000đồng x 09tháng x 1,66%/tháng = 23.904.000đồng + 11.700.000đồng (nợ lãi mà hai bên đã xác nhận) = 35.604.000đồng. Ngoài ra nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Phạm Thị K phải trả cho nguyên đơn là bà Võ Thị H số tiền nợ gốc còn lại là 160.000.000đồng và tiền nợ lãi tính theo 02 thời điểm là:

- Nợ lãi còn lại từ ngày vay 22/12/2019 đến ngày 30/8/220 là: 11.700.000đồng.

- Nợ lãi từ 01/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/4/2022 là: 160.000.000đồng x 10%/năm x 19 tháng 05 ngày = 25.453.335đồng (Hai mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi lăm đồng).

Tổng cộng, cả nợ gốc và nợ lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là: 160.000.000đồng + 37.153.335 đồng = 197.153.335 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng).

2. Đối với bị đơn là bà Phạm Thị K: bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H nhưng bà K vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn bà Phạm Thị K, việc tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng không đảm bảo.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H, buộc bà Phạm Thị K phải trả cho bà Võ Thị H số tiền nợ gốc và nợ lãi là: 160.000.000đồng + 37.153.335 đồng = 197.153.335 đồng *(Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng).*

- Về án phí: bị đơn bà Phạm Thị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị K có địa chỉ tại Tổ 3, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai phải trả cho bà số tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là: 197.153.335 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng: bà Võ Thị H là người khởi kiện nên tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Ông Ngô Đức N được Bà H ủy quyền nên tham gia tố tụng với tư cách là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Bà Phạm Thị K là người bị kiện nên tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

[3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn là bà Phạm Thị K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 197.153.335 đồng *(Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng).*

Xét thấy, tại bản gốc giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp đề ngày 22/12/2019 có chữ ký người vay tiền Phạm Thị K, nội dung thể hiện bà K có vay của bà Võ Thị H số tiền là 160.000.000đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, hẹn trong vòng 30 ngày sẽ trả nợ. Ngoài ra, bên góc trái cuối giấy vay tiền (chổ nội dung đã nhận đủ) có ghi thêm nội dung " lải nợ lại là 11.700.000, mười một triệu bảy trăm". Tại phiên tòa, phía nguyên đơn xác nhận chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền đều là của bị đơn K viết ra.

Xét thỏa thuận vay tiền giữa bà Võ Thị H và bà Phạm Thị K là hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, được giao kết tự nguyện và hợp pháp nên phát sinh hiệu lực. Do bà K vi phạm thỏa thuận, không trả nợ theo cam kết nên yêu cầu của Bà H là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc bị đơn là bà Phạm Thị K phải trả cho bà Võ Thị H số tiền nợ gốc là *160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).*

**Về nợ lãi:* nguyên đơn yêu cầu 02 giai đoạn như sau:

- Đối với số tiền nợ lãi còn lại từ ngày vay 22/12/2019 đến ngày 30/8/2020 là 11.700.000đồng. Xét thấy, số nợ lãi này đã được các bên xác nhận trong giấy vay tiền ngày 22/12/2019. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày nợ lãi do hai bên thỏa thuận là 1,66%/tháng, bà K đã trả một phần và còn nợ lại số tiền trên. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn Phạm Thị K vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, nên không thể đối chất với phía nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ trên lời khai cũng như tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án để giải quyết. Xét thấy, số tiền nợ lãi nêu trên là sự thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Buộc bị đơn Phạm Thị K phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi còn lại (tính từ ngày 22/12/2019 đến 30/8/2020) là: 11.700.000đồng.

- Đối với yêu cầu trả tiền nợ lãi từ ngày 01/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/4/2022 là: 160.000.000đồng x 10%/năm x 19 tháng 05 ngày = 25.453.335đồng, là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Phạm Thị K phải thanh toán cho nguyên đơn Võ Thị H số tiền còn nợ là: 160.000.000đồng + 37.153.335 đồng = 197.153.335 đồng *(Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng).*

[5]. Về án phí: Bị đơn là bà Phạm Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: *9.857.667đồng (Chín triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)*.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là *4.890.100 đồng (Bốn triệu tám trăm chín mươi ngàn một trăm đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Võ Thị H.

Buộc bị đơn là bà Phạm Thị K phải trả cho bà Võ Thị H số tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là *197.153.335 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng).(Trong đó tiền nợ gốc là 160.000.000đồng và tiền nợ lãi là 37.153.335 đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

- Bà Phạm Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: *9.857.667đồng (Chín triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)*.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn là bà Võ Thị H số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 4.890.100 đồng *(Bốn triệu tám trăm chín mươi ngàn một trăm đồng),* theo biên lai thu tiền số 0000098 ngày 16/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn Phạm Thị K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà